

Bản án số: 316/2024/HC-PT

Ngày 19/8/2024.

V/v khiếu kiện các quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** bà Trần Thị Kim Liên

**Các Thẩm phán:** ông Nguyễn Tấn Long

ông Phạm Ngọc Thái

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đặng Ngọc Gia Linh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** ông Lê Phước Thanh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2024/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2023/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1501/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** bà Lê Thị B - sinh năm 1966; cư trú tại: số B đường L, khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ liên hệ: số G đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị B:** bà Nguyễn Thị Hoài T; cư trú tại: số G đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (văn bản ủy quyền ngày 14/11/2022).  
Có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị B:** bà Mai Thị T1 - Luật sư đang hoạt động tại Công ty L1; cư trú tại: số G đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

**2. Người bị kiện:**

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định;

2.2. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định;

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định và Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định:* ông Nguyễn Xuân P; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền số 819/GUQ-UBND ngày 28/10/2022). Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H:* ông Nguyễn Văn T2 - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường và ông Hồ Gia Đ - Chánh Thanh tra huyện H. Có mặt.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Hoàng N; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền tháng 8/2024). Có mặt.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Hoàng N; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền tháng 8/2024). Có mặt.

3.2. Ông Nguyễn Hùng A - sinh năm 1967;

3.3. Ông Nguyễn Đức D - sinh năm 1993;

Cùng cư trú tại: số nhà B đường L, khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3.4. Ông Võ Xuân B1;

3.5. Ông Trần Văn S;

3.6. Ông Trần Văn H;

3.7. Bà Phan Thị M;

Cùng cư trú tại: khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

**4. Người kháng cáo:** người khởi kiện bà Lê Thị B.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Lê Thị B cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà B là bà Nguyễn Thị Hoài T cùng thống nhất trình bày:*

Hộ gia đình bà Lê Thị B đã và đang quản lý sử dụng thửa đất tại khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. Nguồn gốc các thửa đất trên do ông ngoại bà là ông Nguyễn T3 quản lý, sử dụng từ năm 1917 (02 Bản trích lục địa bộ của chế độ cũ cấp cho ông Lê B2, ông Lê B2 đã bán đoạn cho ông Nguyễn T3 02 thửa nối liền nhau với số hiệu là 240 và 308). Bà B là cháu ở chung, phụng dưỡng ông bà từ nhỏ, cùng ông bà quản lý, sử dụng đất. Sau khi ông bà ngoại qua đời (năm 2000), bà B tiếp tục kế thừa quản lý và sử dụng toàn bộ phần nhà và diện tích đất nói trên đến nay. Thời gian vừa qua, bà B liên tục có đơn yêu cầu UBND thị trấn T và UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất mà gia đình đã và đang sử dụng nêu trên. Ngày 04/5/2020, Ủy ban nhân dân thị trấn T

ban hành Thông báo số 23/TB-UBND về việc trả lời đơn yêu cầu của bà **B** với nội dung như sau: “...phần diện tích quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì UBND thị trấn không đủ thẩm quyền để xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Lê Thị B** theo đơn yêu cầu”. Theo hồ sơ giải quyết của **UBND thị trấn T**, bà **B** được biết thừa đất gia đình bà đã và đang quản lý sử dụng, theo hồ sơ địa chính bao gồm một phần diện tích của các thửa đất số 910A, 910B, 946, 1090 thuộc tờ bản đồ số 02.

Không đồng ý với nội dung Thông báo trên, bà **B** làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch **UBND thị trấn T** và nhận được Quyết định khiếu nại số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 với các nội dung sau: hủy bỏ Thông báo số 23/TB-UBND ngày 04/5/2020 của **UBND thị trấn T**; công nhận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông **Nguyễn T3** tại thửa đất số 910B theo quy định (cấp 100m<sup>2</sup> đất ở và diện tích còn lại là đất vườn sau khi đã trừ diện tích quy hoạch hành lang giao thông); phần đất còn lại thuộc thửa 910A, 910B, 910C (sau khi cấp đất ở cho bà **B**) đề nghị UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm (đất vườn) cho hộ gia đình bà **B** (trừ diện tích đất có mồ mả và đất hành lang giao thông), vì các thửa đất trên không thuộc đất công ích của **UBND thị trấn T** quản lý.

Nhận thấy Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của **UBND thị trấn T** vẫn chưa đảm bảo quyền lợi cho gia đình, bà **B** tiếp tục làm đơn khiếu nại đến chủ tịch **UBND huyện H**. Ngày 01/7/2022, Ủy ban nhân dân huyện **H** ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2286/QĐ-UBND với nội dung như sau: “Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của bà **Lê Thị B** tại đơn khiếu nại nêu trên. Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của **UBND thị trấn T** về việc giải quyết khiếu nại của bà **Lê Thị B**”. Trong suốt quá trình bà **B** thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quá trình giải quyết khiếu nại từ UBND thị trấn đến **UBND huyện H**, bà **B** mới được biết một phần diện tích đất của gia đình bà đang quản lý, sử dụng đã bị **UBND thị trấn T** và **UBND huyện H** phân lô, bán nền cho người khác. Cụ thể: tại Quyết định 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch **UBND thị trấn T** có nội dung “bà **B** trồng cây cối, hoa màu trên các thửa đất số hiệu... một phần diện tích thửa số hiệu 1090, loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 2... Riêng thửa đất có số hiệu 1090, Nhà nước đã quy hoạch phân lô giao đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định” và tại Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của Chủ tịch **UBND huyện H** thể hiện: “Qua kiểm tra thực tế, bà **Lê Thị B** đang có nhà ở tại thửa...; trồng cây cối, hoa màu trên một phần diện tích các thửa 910A, 910B, 910C, 946 và 1090. Riêng thửa đất số hiệu 1090 Nhà nước đã quy hoạch khu dân cư và đã giao cho một số hộ gia đình, cá nhân”. Đồng thời tại công văn 62/UBND-TN ngày 31/01/2023 về việc nêu ý kiến vụ án hành chính cũng thể hiện nội dung bà **B** sử

dụng một phần diện tích tại thửa đất 1090 và Nhà nước đã giao diện tích đất bà B sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân khác. Nhận thấy UBND huyện H không thực hiện việc thu hồi và bồi thường thửa đất 1090 cho gia đình bà B trước khi giao đất cho người khác là vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình. Bà B đã nhiều lần phản đối việc này nhưng những người được UBND huyện giao đất ngang nhiên đưa xe cơ giới vào san ủi đất đai và tài sản của gia đình để chiếm đất làm nhà. Tại hồ sơ vụ án cũng như các Quyết định giải quyết khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện H có ý kiến với nội dung “đã giao một phần diện tích tại thửa đất 1090 mà bà B đang sử dụng cho các hộ gia đình, cá nhân khác” nhưng không cung cấp các hồ sơ giao đất tại thửa đất 1090 cho các hộ gia đình, cá nhân đó vào hồ sơ vụ án (bao gồm: các Quyết định giao đất, hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho những hộ đó) để làm chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình. Bà B đã có đơn đề nghị TAND tỉnh Bình Định ra Quyết định thu thập chứng cứ đối với hồ sơ giao đất tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02 nhưng đến nay UBND huyện H vẫn chưa cung cấp hồ sơ. Các Quyết định giao đất và hồ sơ giao đất áp dụng cho các cá nhân và hộ gia đình khác nên bản thân bà B không thể sao lục hồ sơ đó để nộp cho Tòa (Nội dung gia đình bà B sử dụng một phần diện tích tại thửa 1090 và Nhà nước đã giao phần diện tích này cho cá nhân, gia đình khác đã được UBND huyện H và UBND thị trấn T thừa nhận trong các Quyết định giải quyết khiếu nại, đã được viện dẫn nội dung nêu trên). Các yêu cầu khởi kiện của bà B: “hủy Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện H, buộc UBND huyện H công nhận toàn bộ phần diện tích gia đình bà B đang quản lý sử dụng thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình bà B” đã được TAND tỉnh Bình Định thụ lý theo Thông báo số 43/2022/TLST-HC ngày 19/10/2022. Tuy nhiên, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, bà B đã làm đơn khởi kiện bổ sung để yêu cầu đối với việc UBND huyện H lấy đất của gia đình bà và giao đất trái quy định pháp luật đối với các hộ gia đình, cá nhân nêu trên. Ngày 16/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Thông báo thụ lý bổ sung số 43/2023/TBTL-HC. Căn cứ nội dung khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp tại Tòa án, bà đưa ra các căn cứ cho yêu cầu khởi kiện như sau: thứ nhất đối với yêu cầu hủy các Quyết định giao đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất UBND huyện H đã cấp tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02. Như đã trình bày nêu trên, gia đình bà B quản lý và sử dụng thửa đất số 1090 nhưng UBND huyện H lại tự ý lập hồ sơ và giao đất cho người khác, không thực hiện việc thu hồi và bồi thường. Bà khẳng định việc quy hoạch này là do UBND huyện H thực hiện không đúng quy định, cụ thể: căn cứ Điều 32 của Luật Đất đai năm 2003 quy định về “Giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác” như sau: “Việc quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi có quyết định thu hồi đất đó”. Vậy câu hỏi

đặt ra là khi quy hoạch đất ở tại thửa đất số 1090 tại sao không có cơ quan nào thực hiện việc kiểm kê tài sản, thu hồi đất và bồi thường cho gia đình bà B, phải chăng việc quy hoạch đất và giao đất cho các hộ gia đình khác chỉ là thực hiện không trên giấy tờ và các cơ quan có thẩm quyền không xuống thực địa kiểm tra để xác định người đang sử dụng thửa đất 1090. Dẫn chứng cụ thể là ở các hộ dân được giao đất, mặc dù đất đã được giao nhưng vẫn không thể thực hiện việc xây nhà được do trên đất vẫn còn tài sản của gia đình bà B. Ủy ban nhân dân huyện H và UBND thị trấn T không tiến hành việc kiểm đếm, thu hồi và bồi thường đối với đất mà UBND huyện H ban hành và đã cấp tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02 tại khu phố G, thị trấn T, huyện H mà gia đình bà B đang sử dụng cho các hộ gia đình, cá nhân. Đồng thời buộc UBND huyện H trả lại phần diện tích đất đã giao cho các gia đình, cá nhân tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02 để gia đình bà B thực hiện thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, đối với yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích gia đình bà B đang quản lý sử dụng. Nguồn gốc các thửa đất trên do ông ngoại bà B là ông Nguyễn T3 quản lý, sử dụng từ năm 1917 (02 bản trích lục địa bộ của chế độ cũ cấp cho ông Lê B2, ông Lê B2 đã bán đoạn cho ông Nguyễn T3 02 thửa nối liền nhau với số hiệu là 240 và 308). Bà B là người cháu ở chung, phụng dưỡng ông bà từ nhỏ, cùng ông bà quản lý, sử dụng đất sau khi ông bà ngoại qua đời, bà B tiếp tục kế thừa quản lý và sử dụng toàn bộ phần nhà và diện tích đất nói trên đến nay. Căn cứ khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về “CGCNQSDD, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất” thì: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được UBND cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất”. Tại khoản III.1 Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND thị trấn T xác định: thửa đất bà B đang sử dụng Nhà nước chưa đưa vào kế hoạch sử dụng đất, chưa có thông báo hay Quyết định thu hồi đất, đồng thời thửa đất trên là loại đất hoang không phải nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của UBND thị trấn. Vì vậy, bà B yêu cầu UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích gia đình bà đã và đang quản lý sử dụng tại khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định theo trích đo ban hành kèm theo biên bản thẩm định của TAND tỉnh Bình Định vào ngày 14/4/2023 thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình bà.

Thứ ba, đối với yêu cầu hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại: toàn bộ diện tích đất do gia đình bà **B** đang quản lý sử dụng có đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, thửa đất số 1090 do gia đình bà **B** đang sử dụng chưa được kiểm đếm, thu hồi và bồi thường đối với đất và tài sản trên đất trước khi tiến hành quy hoạch khu dân cư và giao cho các hộ gia đình, cá nhân nên việc **UBND thị trấn T, UBND huyện H** ban hành 02 Quyết định giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung đơn của bà là trái với quy định pháp luật.

Thứ tư, đề nghị không tiếp tục tiến hành đối thoại vì: ngày 08/6/2023, bà **B** nhận được thông báo số 2048/TB-TA ngày 06/6/2023 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại của TAND tỉnh Bình Định. Theo đó, Tòa án sẽ tiến hành phiên đối thoại vào lúc 8h30 ngày 13/6/2023. Căn cứ khoản 1 Điều 135 của Luật Tố tụng Hành chính 2015 quy định về “Những vụ án hành chính không tiến hành đối thoại được” thì: người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt”. Mặc dù Tòa án đã 02 lần gửi Thông báo đến các đương sự nhưng phía người bị kiện là **UBND huyện H**, Chủ tịch **UBND huyện H** đều không tham gia đối thoại để nêu ý kiến, quan điểm đối với vụ án. Xét thấy vụ án không thể tiến hành đối thoại được nên bà đề nghị không tiến hành đối thoại nữa mà đưa vụ án ra xét xử.

Bà **B** yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch **UBND thị trấn T**;
- Hủy Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 1/7/2022 của Chủ tịch **UBND huyện H**;
- Hủy Quyết định giao đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02, tại **khu phố G, thị trấn T, huyện H** mà gia đình bà **B** đang sử dụng cho các hộ gia đình, cá nhân: ông **Trần Văn S**, ông **Trần Văn H** và bà **Phan Thị M**, ông **Võ Xuân B1**;
- Buộc **UBND huyện H** trả lại diện tích đất đã giao cho các hộ gia đình, cá nhân: ông **Trần Văn S**, ông **Trần Văn H** và bà **Phan Thị M**, ông **Võ Xuân B1** tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02, tại **khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định** để gia đình bà **B** thực hiện thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật;
- Buộc **UBND huyện H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích gia đình bà **B** đã và đang quản lý sử dụng tại **khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định** theo trích đo ban hành kèm theo biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định vào ngày 14/4/2023 thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình bà **B**.

*\* Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định và UBND huyện H, tỉnh Bình Định do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Xuân P - Phó Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định trình bày:*

Thực hiện Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Ủy ban nhân dân thị trấn T lập phương án cân đối giao quyền ruộng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị trấn. Theo đó, năm 1997, hộ gia đình ông Nguyễn T3 (ông ngoại bà B) được Hội đồng giao quyền sử dụng ruộng đất thị trấn Tăng Bạt H1 cân đối giao quyền sử dụng đất và được UBND huyện cấp GCNQSDĐ có số vào sổ cấp GCN 00480 QSDĐ/C9 ngày 19/12/1997, gồm các thửa đất số hiệu 990 diện tích 1.230m<sup>2</sup> đất lúa; thửa đất số hiệu 951(A) diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở, tờ bản đồ số 02, thị trấn T. Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế, từ trước đến nay gia đình ông Nguyễn T3, bà Lê Thị B chỉ xây dựng nhà ở tại thửa đất số hiệu 910B (hồ sơ địa chính ghi nhầm là loại đất hoang UBND thị trấn quản lý); xây dựng chuồng trại chăn nuôi tại một phần diện tích thửa đất số hiệu 910A (loại đất mờ mả mà UBND thị trấn quản lý) và một phần diện tích thửa đất số hiệu 946 (loại đất màu UBND thị trấn quản lý); trồng cây cối, hoa màu trên một phần diện tích các thửa đất số hiệu 910A, 910B, 910C, 946, 1090. Riêng thửa đất số hiệu 1090 (loại đất lúa UBND thị trấn quản lý) Nhà nước đã quy hoạch khu dân cư và đã giao cho một số hộ gia đình, cá nhân nhưng chưa xây dựng nhà ở được do bà B đang lấn, chiếm sử dụng. Tổng diện tích đất bà B đang sử dụng là 1.374m<sup>2</sup> (có trích đo và trích lục các thửa đất kèm theo). Đối với thửa đất ký hiệu 951(1) được tách thành số hiệu 951 và số hiệu 951(2), trong đó: thửa đất 951(1) hồ sơ địa chính đang lưu trữ và Giấy chứng nhận đã ghi nhầm giao cho hộ ông Nguyễn T3 100m<sup>2</sup> đất ở (thực tế từ trước đến nay, hộ ông Nguyễn T3 không ở tại thửa đất này); còn thửa đất số hiệu 951(2), diện tích 830m<sup>2</sup> đất màu ghi giao UBND thị trấn T quản lý (hiện ông Lê Văn N1 ở khu phố G đang sử dụng và một phần diện tích đất trống). Về thủ tục và tính pháp lý ngôi nhà và đất bà Lê Thị B đang quản lý sử dụng là của ông Nguyễn T3 (ông ngoại bà B đã chết). Hiện nay ngôi nhà và thửa đất này vẫn chưa chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho bà B hay bất cứ ai. Căn cứ nội dung trên, việc bà B khiếu nại yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà B với toàn bộ phần diện tích đất gia đình bà Lê Thị B đang quản lý sử dụng (tính cả phần lấn, chiếm sử dụng) là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện H thống nhất với nội dung giải quyết khiếu nại (lần 2) tại Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện H.

*\* Người bị kiện Chủ tịch UBND thị trấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định do ông Mai Văn L - Chủ tịch UBND thị trấn T trình bày:*

Bà **B** khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 249/QĐ/UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch **U**; hủy Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 1/7/2022 của Chủ tịch **UBND huyện H**; hủy Quyết định giao đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02, tại **khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định** mà gia đình bà **B** đang sử dụng cho các hộ gia đình, cá nhân: ông **Trần Văn S**, ông **Trần Văn H** và bà **Phan Thị M**, ông **Võ Xuân B1**; buộc **UBND huyện H** trả lại diện tích đất đã giao cho các hộ gia đình, cá nhân: ông **Trần Văn S**, ông **Trần Văn H** và bà **Phan Thị M**, ông **Võ Xuân B1** tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02, tại **khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định** theo trích đo ban hành kèm theo biên bản thẩm định của TAND tỉnh Bình Định vào ngày 15/4/2023 thuộc quyền quản lý của gia đình bà **B** là không có cơ sở. Vì: khi thực hiện Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành Bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, Ủy ban nhân dân thị trấn **T** lập phương án cân đối giao quyền ruộng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị trấn. Hộ gia đình ông **Nguyễn T3** (ông ngoại bà **B**) được Hội đồng giao quyền sử dụng ruộng đất thị trấn **Tăng Bạt H1** cân đối giao quyền sử dụng đất và được **UBND huyện** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN 00480 QSDĐ/C9 ngày 19/12/1997, gồm các thửa đất số hiệu 990, diện tích 1.230m<sup>2</sup> đất lúa; thửa đất số hiệu 951(A), diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở, tờ bản đồ số 02, **thị trấn T**. Qua kiểm tra thực tế, từ trước đến nay gia đình ông **Nguyễn T3** xây dựng nhà ở tại thửa đất số hiệu 910B (hồ sơ địa chính ghi nhầm là loại đất hoang **UBND thị trấn** quản lý); xây dựng chuồng trại chăn nuôi tại một phần diện tích thửa đất số hiệu 910A (loại đất mả mà **UBND thị trấn** quản lý) và một phần diện tích thửa đất số hiệu 946 (loại đất màu **UBND thị trấn** quản lý); trồng cây cối, hoa màu trên một phần diện tích các thửa đất số hiệu 910A, 910B, 910C, 946, 1090. Riêng thửa đất số hiệu 1090 (loại đất lúa **UBND thị trấn** quản lý) Nhà nước đã quy hoạch khu dân cư và đã giao cho một số hộ gia đình, cá nhân nhưng chưa xây dựng nhà ở được do bà **B** đang lấn, chiếm sử dụng. Đối với thửa đất ký hiệu 951(1) được tách thành số hiệu 951 và số hiệu 951(2), trong đó: thửa đất 951(1) trong hồ sơ địa chính đang lưu trữ và trong Giấy chứng nhận đã ghi nhầm giao cho hộ ông **Nguyễn T3** 100m<sup>2</sup> đất ở (thực tế từ trước đến nay, hộ ông **Nguyễn T3** không ở tại thửa đất này); còn thửa đất số hiệu 951(2), diện tích 830m<sup>2</sup> đất màu ghi giao **UBND thị trấn T** quản lý (hiện ông **Lê Văn N1** ở **khu phố G** đang sử dụng và một phần diện tích đất trồng).

Về nội dung yêu cầu hủy Quyết định giao đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02, tại **khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định** mà gia đình bà **B** đang sử dụng cho các hộ gia đình cá nhân ông **Trần Văn S**, ông **Trần Văn H** và bà **Phan Thị M**, ông **Võ Xuân B1**; buộc **UBND huyện H** trả lại diện tích đất đã



giao cho các hộ gia đình cá nhân ông **Trần Văn S**, ông **Trần Văn H** và bà **Phan Thị M**, ông **Võ Xuân B1** tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02 là vô căn cứ vì các thửa đất của những hộ gia đình trên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên, việc bà **B** khiếu nại yêu cầu cấp Giấy chứng nhận cho gia đình bà với toàn bộ diện tích đất bà đang sử dụng (tính cả phần diện tích lấn, chiếm sử dụng) là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Vì vậy, Chủ tịch **UBND thị trấn T** và **UBND thị trấn T** bảo lưu nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch **UBND thị trấn T**, hoàn toàn thống nhất với nội dung giải quyết khiếu nại (lần 2) tại Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của Chủ tịch **UBND huyện H**, không đồng ý với nội dung khởi kiện của bà **B**.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nguyễn Hùng A** và ông **Nguyễn Đức D** cùng trình bày: ông **Nguyễn Hùng A** là chồng bà **B**, còn ông **Nguyễn Đức D** là con bà **B** thống nhất với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà **B**.

- Ông **Trần Văn H** trình bày: nguyên thửa đất số 181, tờ bản đồ 2, diện tích 100m<sup>2</sup> được **UBND huyện H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/2010 số vào GCN CH00015 là đúng theo quy định của pháp luật. Nên yêu cầu khởi kiện của bà **B** ông không chấp nhận. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay, bà **Phan Thị M** vợ ông **H** đã chết để thừa kế cho ông **Trần Văn H** được chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện **H** ký ngày 20/01/2022.

- Ông **Trần Văn S** trình bày: nguyên thửa đất số 1565, tờ bản đồ 02, được **UBND huyện H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/8/2019, GCN CS04373, 1566 tờ bản đồ 02, được **UBND huyện H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/8/2019, GCN CS04372 và 1427 – lô 292, tờ bản đồ 02, được **UBND huyện H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/9/2019 số vào GCN CH02758 là đúng theo quy định của pháp luật nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **B**. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông **Võ Xuân B1** và bà **Đỗ Thị P1** cùng thống nhất trình bày: nguyên thửa đất số 1241, tờ bản đồ 02, được **UBND huyện H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/4/2009 số vào GCN C01715 là đúng theo quy định của pháp luật nên ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **B**. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2024/HC-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:**

Căn cứ quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157, Điều 158, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ Điều 29 của Luật Tố tụng Hành chính, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị B** yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch **UBND thị trấn T**; hủy Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của Chủ tịch **UBND huyện H**, tỉnh Bình Định.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị B** về yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định giao đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02, tại **khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định** mà gia đình bà **Lê Thị B** đang sử dụng cho các hộ gia đình, cá nhân: ông **Trần Văn S**, ông **Trần Văn H** và bà **Phan Thị M**, ông **Võ Xuân B1**; buộc **UBND huyện H** trả lại diện tích đất đã giao cho các hộ gia đình, cá nhân: ông **Trần Văn S**, ông **Trần Văn H** và bà **Phan Thị M**, ông **Võ Xuân B1** tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02, tại **khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định** để gia đình bà **Lê Thị B** thực hiện thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; buộc **UBND huyện H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất gia đình bà **Lê Thị B** đã và đang quản lý sử dụng tại **khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định** theo trích đo ban hành kèm theo biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định vào ngày 14/4/2023 thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình bà **B**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2023, bà **Lê Thị B** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai ngày 21/5/2024, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là bà **Nguyễn Thị Hoài T** tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể là rút yêu cầu: “Đề nghị Tòa án buộc **UBND huyện H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất mà gia đình bà **B** đang quản lý sử dụng”. Ngày 05/7/2024, Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện H** có văn bản số 697/UBND-TNMT và ngày 10/6/2024, Chủ tịch **UBND thị trấn T** có văn bản số 56/CV-UBND đều không đồng ý đối với việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nói trên của bà **B**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 234 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện bà **Lê Thị B** giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Luật sư **Mai Thị T1** cho rằng **UBND huyện H** không thu hồi đất, không bồi thường tài sản trên đất cho bà **B** trước khi cấp Giấy chứng nhận cho ông **Trần Văn S**, ông **Trần Văn H** và bà **Phan Thị M**, ông **Võ Xuân B1** là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà **Lê Thị B**, sửa một phần bản án sơ thẩm.
- Ông **Nguyễn Văn T2** cho rằng bà **B** trồng cây cối, hoa màu sau khi **UBND huyện H** cấp Giấy chứng nhận cho các hộ gia đình, cá nhân. Các thửa đất số 946, 1090 là loại đất nông nghiệp, đất công ích nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà **B**.
- Ông **Hồ Gia Đ** thống nhất với đề nghị của ông **Nguyễn Văn T2**.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tài sản trên đất có sau thời điểm thực hiện chính sách đất đai và không liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Các thửa đất số 946, 1090 là đất công ích do **UBND thị trấn T** quản lý. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà **Lê Thị B**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà **Lê Thị B** khởi kiện cho rằng nguồn gốc các thửa đất mà bà khiếu nại tọa lạc tại **khu phố G, thị trấn T, huyện H** là của ông **Nguyễn T3** (ông ngoại của bà **B**) quản lý, sử dụng từ năm 1917 (có bản trích lục địa bộ của chế độ cũ cấp cho ông **Lê B2** bán cho ông **Nguyễn T3**). Sau khi ông bà ngoại của bà **B** chết, bà **B** tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay, trên đất đã xây dựng ngôi nhà từ năm 1990. Người bị kiện thì cho rằng khi thực hiện Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, hộ gia đình ông **Nguyễn T3** (bao gồm cả bà **B**) được **UBND thị trấn T** lập phương án cân đối giao quyền sử dụng đất và được **UBND huyện H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00480 QSDĐ/C9 ngày 19/12/1997 gồm thửa đất số 990, diện tích 1.230m<sup>2</sup> đất lúa, thửa đất số 951(1), diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở, tờ bản đồ số 02 tại **thị trấn T**. Tuy nhiên, trên thực tế thì gia đình ông **T3**, bà **B** đã xây dựng nhà ở tại thửa đất số 910B (nhưng hồ sơ địa chính ghi nhầm là loại đất hoang do **UBND thị trấn** quản lý) và một phần diện tích thuộc thửa đất số 910A, 910C (loại đất mồ mả do **U**), xây dựng chuồng trại chăn nuôi tại một phần diện tích thửa đất số 910A (loại đất mồ mả do **UBND thị trấn** quản lý) và một phần thửa đất số 946 (loại đất màu do **UBND thị trấn** quản lý), trồng cây cối, hoa màu trên một phần diện tích các thửa đất số 910A, 910B, 910C, 946, 1090. Riêng thửa đất số 1090 là loại đất màu do **UBND thị trấn T** quản lý, Nhà nước đã quy hoạch khu dân cư và đã giao cho một số hộ gia đình, cá nhân để xây dựng nhà ở nhưng chưa xây dựng nhà ở được do bà **B** đang lấn chiếm, sử dụng. Tổng diện

tích bà **B** lấn chiếm, sử dụng là 1.503,2m<sup>2</sup> nhưng diện tích trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông là 230,9m<sup>2</sup> nên còn lại là 1.272,3m<sup>2</sup>. Thửa đất số 951 được tách thành thửa đất số 951(1) diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Nguyễn T3** (thực tế hộ ông **Nguyễn T3** không sử dụng) và thửa đất số 951(2) diện tích 830m<sup>2</sup> đất màu do UBND thị trấn quản lý (hiện tại ông **Lê Văn N2** ở **khu phố G** đang sử dụng trồng keo lấy gỗ và một phần diện tích đất trống).

[2] Năm 2020, bà **B** có đơn yêu cầu UBND thị trấn **T** công nhận quyền sử dụng đất vườn cho gia đình bà đối với toàn bộ diện tích đất mà gia đình bà đang sử dụng. Ngày 04/5/2020, Ủy ban nhân dân thị trấn **T** ban hành Thông báo số 23/TB-UBND với nội dung không công nhận đơn yêu cầu của bà **B**. Không đồng ý với nội dung Thông báo số 23 nêu trên, bà **B** có đơn khiếu nại. Ngày 21/7/2021, Chủ tịch UBND thị trấn **T** ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 249/QĐ-UBND với nội dung: hủy bỏ Thông báo số 23/TB-UBND ngày 04/5/2020 của UBND thị trấn **T**. Không công nhận nội dung đơn của bà **B** yêu cầu Nhà nước cấp toàn bộ diện tích đất gia đình bà đang sử dụng gồm các thửa đất số hiệu 910A, 910B, 910C, 946, 1090, tờ bản đồ số 02, trong đó thửa đất số 946, 1090 đất UBND thị trấn **T** quản lý, thửa đất 1090 đã tách thửa giao cho hộ gia đình cá nhân. Công nhận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông **Nguyễn T3** tại thửa đất số hiệu 910B theo quy định (cấp 100m<sup>2</sup> đất ở và diện tích còn lại là đất vườn sau khi đã trừ diện tích quy hoạch hành lang giao thông). Riêng phần diện tích đất còn lại thuộc các thửa đất số 910A, 910B, 910C (sau khi cấp đất ở cho bà **Lê Thị B**) đề nghị UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm (đất vườn) cho hộ gia đình bà **B** (trừ diện tích đất có mồ mã và đất hành lang giao thông) vì các thửa đất trên không thuộc đất công ích của UBND thị trấn **T** quản lý.

[3] Ngày 17/02/2022, bà **B** tiếp tục khiếu nại Quyết định số 249 nêu trên. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2286/QĐ-UBND ngày 01/7/2022, Chủ tịch UBND huyện **H** công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch UBND thị trấn **T**. Do đó, bà **B** khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 249 của Chủ tịch UBND thị trấn **T** và hủy Quyết định số 2286 của Chủ tịch UBND huyện **H**. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch UBND thị trấn **T** do vi phạm về thẩm quyền ban hành và không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đồng thời hủy Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện **H**. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bên đương sự không kháng cáo và Viện Kiểm sát nhân dân không kháng nghị phần quyết định này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện bà **Lê Thị B** đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà. Cụ thể: hủy Quyết định giao đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1090 đã cấp cho các hộ gia đình, cá nhân; buộc **UBND huyện H** trả lại diện tích đất này cho bà và buộc **UBND huyện H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất gia đình bà đã và đang quản lý sử dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch **UBND thị trấn T** trong đó có nội dung: các thửa đất số 946, 1090 đều do **UBND thị trấn T** quản lý, hiện thửa đất 1090 đã tách thửa giao cho ông **Trần Văn S**, ông **Võ Xuân B1**, ông **Trần Văn H** và bà **Phan Thị M**. Các quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch **UBND thị trấn T** và Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của Chủ tịch **UBND huyện H** ban hành không đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền nên Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy. Do hủy các quyết định nên Toà án cấp sơ thẩm đã không xem xét đến nội dung trong quyết định giải quyết khiếu nại và xử bác yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà **B** là đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, tại phiên toà phúc thẩm, bà **B** cũng thừa nhận là chưa nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại **UBND huyện H** nên Toà án không có căn cứ để giải quyết yêu cầu này. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà **Lê Thị B**; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên bà **Lê Thị B** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà **Lê Thị B**; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2023/HC-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Áp dụng Điều 59, Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị B** yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch UBND thị trấn T;

- Hủy Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B về yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định giao đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02, tại khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định do gia đình bà Lê Thị B đang sử dụng đã cấp cho các hộ gia đình, cá nhân: ông Trần Văn S, ông Trần Văn H và bà Phan Thị M, ông Võ Xuân B1;

- Buộc UBND huyện H trả lại diện tích đất đã giao cho các hộ gia đình, cá nhân: ông Trần Văn S, ông Trần Văn H và bà Phan Thị M, ông Võ Xuân B1 tại thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 02, tại khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định để gia đình bà Lê Thị B thực hiện thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật;

- Buộc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất gia đình bà Lê Thị B đã và đang quản lý sử dụng tại khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định theo trích đo ban hành kèm theo biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định vào ngày 14/4/2023 thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình bà B.

3. Về án phí: bà Lê Thị B phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001872 ngày 13/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Liên**



